NHẬN DIỆN MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỪ HIỆN TƯỢNG HÔN NHÂN XUYÊN QUỐC GIA CỦA PHỤ NỮ VIỆT NAM TRONG BỐI CẢNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ VĂN HÓA-XÃ HỘI Ở CHÂU Á

PHẠM THANH THÔI

Đứng trước một "sự kiện xã hội" như *vấn đề hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam hiện nay*, chúng tôi không có tham vọng trình bày được nhiều khía cạnh của vấn đề. Nhưng phải nhìn nhận, để xác định được các luận cứ khoa học và thực tiễn của chủ đề này; phải tiếp cận và phân tích vấn đề từ nhiều khía cạnh khác nhau. Căn cứ những điều tai nghe mắt thấy, những tư liệu trên các phương tiện truyền thông đại chúng, trong các hội nghị, hội thảo, của các cơ quan thống kê, nghiên cứu ở trong và ngoài nước, cùng với những suy nghĩ về những biến đổi của xã hội và ý nghĩa văn hóa của phát triển, chúng tôi cố gắng trình bày một số vấn đề liên quan đến *hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế và văn hóa- xã hội ở châu Á.*

1. Bối cảnh tăng trưởng kinh tế, văn hóa- xã hội ở châu Á

Trong mấy thập kỷ gần đây, châu Á đã trở thành trung tâm của sự tăng trưởng nhanh về kinh tế. Các nước châu Á trong nhiều năm qua đã nỗ lực rất lớn để đưa dân tộc (quốc gia) mình tiến nhanh lên con đường phát triển hiện đại. Sự tăng trưởng nhanh về kinh tế ở nhiều quốc gia đã làm cho bức tranh văn hóa, xã hội ở châu Á nói chung vốn đa dạng nay lại thêm phong phú.

Tăng trưởng kinh tế nhanh của các quốc gia ở châu Á, một mặt tạo ra những điều kiện cho việc nâng cao mức sống và nhu cầu trao đổi thông tin, văn hóa của người dân trong phạm vi quốc gia và quốc tế, nhưng mặt khác cũng đặt ra nhiều thách thức đối với tương lai phát triển của mỗi quốc gia. Xét riêng ở khía cạnh này, có thể nói rằng quan điểm giá trị ở nhiều nhóm dân cư tại "khu vực văn hóa phương Đông" (châu Á) đến nay đang có những thay đổi mạnh mẽ (cả hướng tích cực và chưa tích cực). Không ít cá nhân thuộc các thành phần xã hội khác nhau đã xem *giá trị kinh tế* (tài sản vật chất) là chỉ báo khẳng định được uy tín xã hội của mình, sự giàu có về tiền của là thước đo duy nhất đánh giá toàn bộ sự *phát triển* của bản thân. Những yếu tố khác của văn hóa như đạo đức, văn hóa truyền thống, lối sống, tinh thần nhân văn, ý thức cộng đồng... được xem là "không kinh tế", không có nhiều ý nghĩa trong quan hệ xã hội cũng như đời sống cá nhân. Trong những phạm vi nhất định, không ít cá nhân không còn khả năng ý thức được tài sản nội tại và các giá trị phát triển chung của cộng đồng, của dân tộc, nơi mình được sinh ra và lớn lên. Hơn thế, với mục tiêu đưa đất nước phát triển hiện đại về khoa học và công nghệ, trong tư duy của nhiều nhà quản lý ở nhiều quốc gia tại châu Á hay các vùng miền cụ thể ở từng quốc gia cũng đã xem nhẹ việc thực thi các chính sách phát triển văn hóa-xã hội.... Và như là quy luật, nhiều nước ở châu Á một mặt đã đạt được những thành tựu "thần kỳ" về kinh tế và khoa học kỹ thuật, nhưng mặt khác lại để nảy sinh tình trạng thất nghiệp, di cư tự phát, phân hóa giàu nghèo, sự "lệch chuẩn" về các giá trị văn hóa và đạo đức của nhiều nhóm dân cư,... với quy mô và tính chất hết sức phức tạp. Nhiều quốc gia đã trở thành nước công nghiệp, sản phẩm kinh tế có hàm lượng tri thức cao, nhưng lại phải chứng kiến hàng loạt những hành động, hành vi của cá

nhân thuộc nhiều giới, nhiều nhóm xã hội phản ánh sự suy thoái về luân lý, đạo đức, khác xa với những giá trị được loài người vun đắp và kỳ vọng. Ở nhiều nhóm dân cư, "cái tôi tiền tài và công nghệ" đã lấn át "cái tôi đạo đức xã hội", nhiều cá nhân thuộc các thành phần xã hội khác nhau, ở các nước khác nhau đã không xác định được ý nghĩa khi tiếp xúc với các giá trị văn hóa truyền thống của mình, hay nói cách khác không ít người đã *mất gốc*. Tồn tại phổ biến tại nhiều thành thị ở nhiều quốc gia châu Á là tình trạng "một số thanh niên nghèo không gốc rễ và giàu không lý tưởng".

Riêng với phụ nữ châu Á, lịch sử hình thành và phát triển ở từng quốc gia đã luôn ghi nhận được rất nhiều các giá trị văn hóa, nhân văn cao cả. Ở từng nước, hầu hết phụ nữ luôn là những cá nhân thể hiện và nuôi dưỡng được những đức tính, những phẩm chất đạo đức và giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp trong phạm vi cộng đồng, quốc gia, dân tộc của mình. Mặc khác, họ cũng có những đóng góp rất quan trọng, góp phần thúc đẩy quá trình tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ ở hầu hết các quốc gia. Tuy nhiên, cũng thừa nhận rằng chính trong quá trình tăng trưởng kinh tế với những chính sách phát triển văn hóa xã hội chưa toàn diện và thực hiện không đồng đều ở phạm vi khu vực, quốc gia, vùng miền nên đã làm nảy sinh không ít những hệ quả xấu về mặt văn hóa, xã hội..., tác động trực tiếp hoặc gián tiếp lên phụ nữ. Gần đây, mặc dù nhà nước ở nhiều quốc gia đã chủ động hoặc liên kết quốc tế để đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách phát triển văn hóa, xã hội một cách toàn diện trong mối quan hệ với các chính sách tăng trưởng kinh tế, khoa học kỹ thuật, nhưng rõ ràng sự chênh lệch về mức thu nhập, sự khác nhau về cơ hội và điều kiện tiếp cận-thụ hưởng các thành tựu mà nền kinh tế trong nước và khu vực tạo ra cũng hết sức nghiêm trọng.

Ở Việt Nam, trong 20 năm đổi mới với chính sách phát triển kinh tế và quan hệ quốc tế, nền kinh tế và xã hội nói chung đã đạt được những thành tựu to lớn. Kinh tế và mức sống của người dân ở khu vực thành thị và nông thôn nhìn chung đều tăng trưởng, nhưng sự phát triển giữa hai khu vực này, còn chênh lệch rất lớn. Đến đầu những năm 90, nhiều thanh niên ở các vùng nông thôn Việt Nam đã bắt đầu di cư ồ ạt đến thành thị và đi xuất khẩu lao động tại các quốc gia trong khu vực để cải thiện mức thu nhập của mình.

Nhìn chung, bối cảnh tăng trưởng kinh tế nhanh ở châu Á và ở từng nước nói riêng đã và đang đặt ra những vấn đề văn hóa, xã hội rất cơ bản và phức tạp. Câu hỏi đặt ra là, liệu những giá trị văn hóa mang tính bản sắc của từng quốc gia, dân tộc nói riêng tại châu Á (như tại Trung Quốc, Việt Nam,..) có trở thành nội lực và là nhân tố để phát triển bền vững xã hội ở mỗi quốc gia, hay vẫn mãi bị *cơn lốc* kinh tế - thị trường hiện tại cuốn đi?. Hay các yếu tố văn hóa truyền thống như đạo đức, lối sống, thẩm mỹ... của từng cộng đồng người ở từng quốc gia (tức bản sắc văn hóa dân tộc) sẽ tồn tại và tiếp biến như thế nào? Hoặc vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế và trong giao lưu, tiếp biến văn hóa mang tính khu vực, tính toàn cầu sẽ như thế nào?... Xét trong bối cảnh như vậy, rõ ràng việc nghiên cứu và phân tích những "sự kiện xã hội" nảy sinh như vấn đề hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam trong mấy thập niên gần đây sẽ có nhiều ý nghĩa khoa học và thực tiễn to lớn.

2. Một số vấn đề từ hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam

Hiện tượng phụ nữ (hay nữ thanh niên) chủ yếu sống ở nông thôn đồng bằng Sông Cửu Long của Việt Nam kết hôn với người nước ngoài diễn ra có quy mô lớn và có tính chất phức tạp. Có thể nói, phụ nữ Việt Nam hiện nay đã có mặt ở nhiều

quốc gia, trong đó rất nhiều người đã đến và định cư thông qua con đường kết hôn (với đàn ông nước sở tại). Số lượng phụ nữ Việt Nam chọn kết hôn với đàn ông Đài Loan và Hàn Quốc chiếm tỷ lệ lớn nhất. Con số thống kê về số lượng các cuộc kết hôn của phụ nữ Việt Nam trong vòng 10 năm đối với đàn ông Đài Loan và 5 năm qua với đàn ông Hàn Quốc đã phần nào cho thấy đây là một "sự kiện xã hội, văn hóa" lớn của Việt Nam nhưng có ý nghĩa xã hội và văn hóa mang tính toàn cầu.

Tại Đài Loan, hiện nay cộng đồng người Việt đã có hơn một trăm nghìn người sinh sống, trong đó số nữ thanh niên đến bằng con đường kết hôn chiếm hơn 70%. Chỉ tính từ năm 1995 đến cuối năm 2004, Việt Nam đã có khoảng 85.000 nữ thanh niên kết hôn với đàn ông (thanh niên, trung niên và người cao tuổi) Đài Loan. So với số lượng kết hôn năm 1998, từ năm 2000 đến nay tỷ lệ luôn tăng hơn 100%, cao nhất là năm 2002 (so với năm 1998) là 172%, với số lượng là 13.743 người đã kết hôn (xem *biểu 1*).

Biểu 1: Số phụ nữ Việt Nam kết hôn với người Đài Loan (từ năm1998 đến tháng 1 năm 2004)

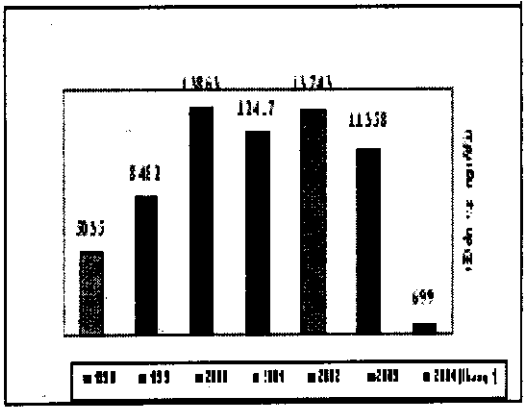

Nguồn: Văn phòng KT-VH Đài Bắc (dẫn theo Phan An, 2005)

Trước năm 1995 Việt Nam là quốc gia Đông Nam Á có tỷ lệ nữ thanh niên kết hôn với đàn ông Đài Loan vào loại thấp nhất. Thế nhưng, trong 10 năm trở lại đây nước ta đã đứng ở vị trí cao nhất so với các nước trong khu vực về số lượng nữ thanh niên kết hôn với đàn ông Đài Loan (xem *biểu 2*).

Biểu 2: Số người (phụ nữ) ở một số nước Đông Nam Á lấy chồng Đài Loan (năm 1996 - 2000)

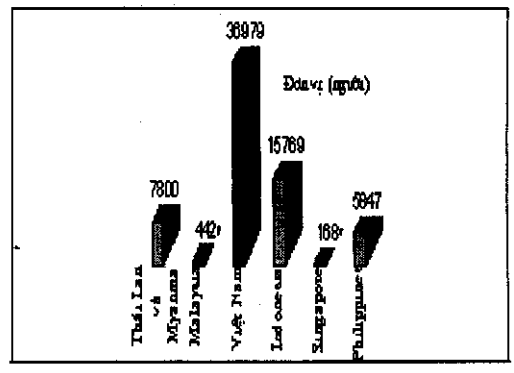

Đáng chú ý, gần đây tỷ lệ nữ thanh niên nước ta kết hôn với đàn ông Đài Loan có giảm chút ít, nhưng với đàn ông Hàn Quốc, 5 năm trở lại đây lại tăng gấp ngàn lần. Những đơn vị môi giới và "cò" gọi đây là hiện tượng "sốt chồng Hàn Quốc", y hệt "sốt chồng Đài Loan" 10 năm trước đây.

Tại Hàn Quốc, Số lượng các cuộc kết hôn của nữ thanh niên Việt Nam với đàn ông Hàn Quốc trong 5 năm (từ năm 2001 đến 2005) mà Cục thống kê Hàn Quốc thống kê được là 10279 trường hợp, tăng hơn 355%; năm 2003 so năm 2002 tăng hơn 294%; năm 2004 so với 2003 tăng hơn 175%; năm 2005 so với 2004 tăng hơn 236%. Nếu tính năm 2005 so với năm 2001, số lượng các cuộc kết hôn giữa đàn ông Hàn Quốc với nữ thanh niên Việt Nam tăng lên 4344% (xem biểu 3).

Biểu 3: Số lượng nữ thanh niên Việt Nam kết hôn với đàn ông Hàn Quốc (từ năm 2001 - 2005)

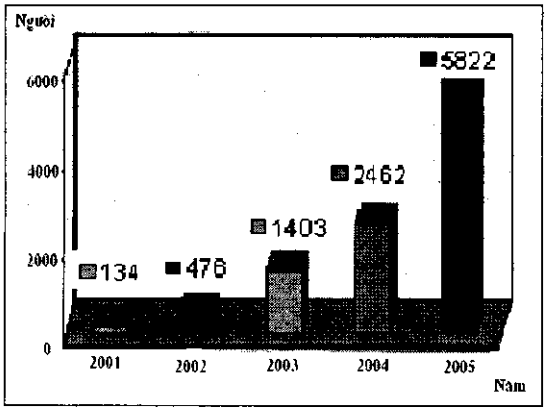

Đáng lưu ý, nếu so với các quốc gia khác ở Đông Nam Á như Philippines và Thái Lan.., Việt Nam là nước có tỷ lệ nữ thanh niên kết hôn với đàn ông Hàn Quốc nhiều nhất và tăng nhanh nhất. (xem *biểu 4*)

Biểu 4: Hiện trạng đàn ông Hàn Quốc cưới vợ tại Đông Nam Á: Việt Nam, Philippin và Thái Lan

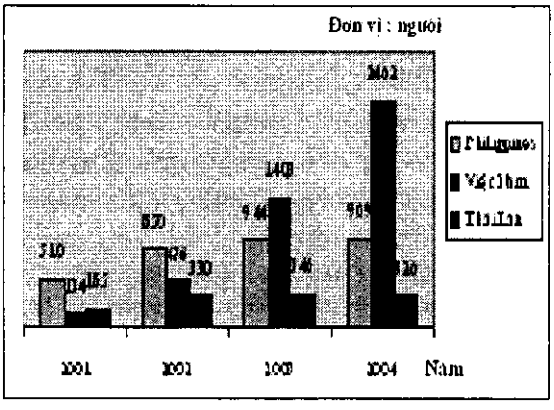

Nguồn: Cục Thống kê Hàn Quốc 2005

Có lẽ nguyên nhân chung được nhiều người thừa nhận, phụ nữ Việt Nam kết hôn với đàn ông nước ngoài cũng giống như những người đi xuất khẩu lao động chính là do sự chênh lệch về đời sống kinh tế giữa vùng nông thôn Việt Nam với các nước khác như Đài Loan và Hàn Quốc. Việc số lượng nữ thanh niên kết hôn với đàn ông nước ngoài một cách *tự nguyện* (có hoặc không có mai mối) trong nhiều năm qua chủ yếu được ghi nhận là do động cơ kinh tế. Song một điều cũng dễ nhận thấy trong những năm qua không phải cuộc kết hôn nào của phụ nữ Việt Nam với đàn ông nước ngoài đều có kết thúc tệ hại, mà nhiều người sau khi kết hôn đã được làm vợ và có được mức sống khá sung túc.

Tuy nhiên, trong số hàng trăm nghìn nữ thanh niên nước ta đã kết hôn với người nước ngoài, có nhiều người (chưa đơn vị nào thống kê được) "*chưa (*hoặc không*) được làm vợ*" xét cả về mặt pháp lý, cả về tình cảm cũng như các quyền và nghĩa vụ sau khi kết hôn. Đặc biệt, trong bối cảnh của sự va chạm giữa 2 nền văn hóa của hai quốc gia khác nhau như ngôn ngữ, lối sống, sinh hoạt văn hóa, các chân giá trị của cuộc sống... thì rõ ràng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam phải được quan tâm.

Trước hết, phải khẳng định rằng hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam là hiện tượng xã hội nảy sinh vừa mang tính khách quan của sự tăng trưởng kinh tế không đồng đều giữa các vùng miền trong phạm vi quốc gia và khu vực, đồng thời cũng phản ánh sự liên thông và kết nối văn hóa – xã hội giữa các nước láng giềng trong khu vực hiện nay rất sâu sắc. Mặt khác, đây cũng là hiện tượng xã hội nảy sinh có tính chủ quan, phản ánh và khẳng định quá trình tự lựa chọn, tự quyết định cuộc sống tương lai của phụ nữ trong bối cảnh của nền kinh tế, xã hội mới.

Thứ hai, hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam cũng phản ánh tình trạng mất cân bằng về trình độ phát triển, vấn đề giới trong phát triển giữa các vùng miền trong phạm vi quốc gia và cả khu vực. Đây là vấn đề mang tính toàn cầu nảy sinh và tồn tại ở nhiều quốc gia phát triển hay

đang phát triển kể từ đầu thế kỷ XIX cho đến nay vẫn chưa được giải quyết.

Thứ ba, không quá khắc khe để nói rằng, hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam cũng đang phản ánh những quan niệm mới về chân giá trị của cuộc sống, ở đó mức độ hưởng thụ vật chất đang chiếm ưu thế. Nhiều người đã coi nhân cách, các giá trị văn hóa truyền thống không phải là nhân tố có ảnh hưởng đến sự lựa chọn đời sống cá nhân của mình.

Thứ tư, chúng ta cũng nhận thấy hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam đang đặt ra những vấn đề mới về quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa và xây dựng bản sắc dân tộc theo xu hướng nào, hòa nhập hay hòa tan. Sẽ là không đúng nếu như chúng ta coi khái niệm "không biên giới" (giữa các dân tộc, các quốc gia) trong giao lưu, tiếp biến văn hóa là xu hướng tích cực. Rõ ràng, thực tiễn đời sống từ hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam tại các nước Đài Loan và Hàn Quốc đã nổi lên vấn đề hòa nhập hay xung đột giữa các yếu tố của hai nền văn hóa có bản sắc riêng là những câu hỏi nghiên cứu thú vị.

Thứ năm, sự hiểu biết, giao lưu văn hóa của con người nói chung là hết sức quan trọng, nhưng chính sự khác nhau về kinh nghiệm sống, trình độ, mục đích sống,... luôn chi phối quan hệ này. Nói như vậy để thấy rằng, hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam không phải là kết quả của sự giao lưu văn hóa, vì giao lưu văn hóa không đơn thuần chỉ là sự tiếp xúc ngẫu nhiên của các yếu tố nổi, mà phải là quá trình lâu dài có chiều sâu.

Thứ sáu, hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam cũng đặt cho chúng ta phải xem lại những giá trị văn hóa của hôn nhân, của gia đình với nhân phẩm của người phụ nữ. Ở đây, không nên hiểu sự xúc phạm đến nhân phẩm của người chỉ là những bạo lực trong gia đình, sự cưỡng bức tình dục, mà còn là sự xô đẩy phụ nữ đến chỗ túng thiếu, thất nghiệp triền miên, bị chồng bỏ rơi, không có cơ hội để tiếp cận với thông tin, giáo dục, sinh hoạt văn hóa, thiếu những dịch vụ xã hội cơ bản,... Theo tác giả Lê Thị Nhâm Tuyết (chuyên gia nghiên cứu về *giới* và *nhân học xã hội*) "nếu phụ nữ ở bất cứ nước nào không được hỗ trợ và bênh vực để được hưởng đầy đủ các quyền (như sức khỏe thể chất, sức khỏe tinh thần và sinh sản...) đã được cộng đồng quốc tế công nhận đều có thể xem là phẩm giá của họ chưa được bảo vệ đầy đủ" (1996).

Tóm lại, đằng sau hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam đang nổi lên rất nhiều vấn đề rất cơ bản và cần phải được quan tâm. Trong bối cảnh kinh tế – xã hội hiện nay, rõ ràng tăng trưởng kinh tế và thực hiện những chính sách phát triển văn hóa-xã hội đã trở nên cấp bách. Chúng ta biết rằng, nhân tố kinh tế và nhân tố văn hóa không phải là hai thành tố tách rời nhau trong quá trình phát triển xã hội. Tăng trưởng kinh tế phải quan tâm giáo dục con người, giáo dục đạo đức xã hội, đạo đức cá nhân, ý thức về luật pháp, bài trừ các "dịch bệnh xã hội" ở tầm gần và xa. Dù ở hình thức nào, giao lưu văn hóa phải được từ động lực của các nhân tố văn hóa nội sinh, phát huy và gìn giữ những di sản văn hóa của dân tộc.

3. Một vài nhận xét

Từ xa xưa, các dân tộc khác nhau sống tại các quốc gia ở châu Á vốn đã có quan niệm gần nhau, rất coi trọng các giá trị cộng đồng, giá trị xã hội truyền thống, giá trị văn hóa phương Đông. Vấn đề hôn nhân xuyên quốc gia của phụ nữ Việt Nam trong vài thập kỷ gần đây có lẽ nên nhìn nhận từ bối cảnh ấy. Tuy nhiên, vai trò của các nhà quản lý xã hội, các nhà hoạt động trên lĩnh vực văn hóa, khoa học có lẽ sẽ tiếp tục nghiên cứu, hợp tác sâu rộng với các quốc gia

trong khu vực để dần thu hẹp được khoảng cách phát triển của các quốc gia. Nâng cao chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế nhưng không làm xấu đi mối quan hệ giữa con người với con người, không gây ra hoặc làm tăng thêm khoảng cách chênh lệch giàu nghèo, chênh lệch điều kiện về khả năng tiếp cận và tiêu dùng văn hóa của các nhóm dân cư thuộc các thành phần khác nhau trong xã hội, giữa khu vực nông thôn và thành thị để hiện tượng hôn nhân không phải là những biểu hiện của một sự giao lưu văn hóa một cách hời hợt, bề nổi.

Để kết thúc bài viết, chúng tôi mong nhận được sự quan tâm thảo luận một số câu hỏi nghiên cứu dưới đây:

- Trước hết, có phải vì lý do kinh tế là nguyên nhân khiến một số nữ thanh niên nước ta đã tự nguyện kết hôn với đàn ông Đài Loan và Hàn Quốc để đổi đời như một số người đã kết luận không? Nước ta còn nhiều vùng nghèo (ở khu vực miền Trung) nhưng không thấy nữ thanh niên nào vì lý do này để đi lấy chồng nước ngoài? Vậy, ngoài cái "nghèo kinh tế", các cái "nghèo còn lại" như: thông tin, giá trị cộng đồng, lối sống, văn hóa, quản lý xã hội... đã tác động như thế nào đến hiện tượng hôn nhân xuyên quốc gia như hiện nay của phụ nữ Việt Nam?

- Giá trị của hôn nhân nói riêng và chân giá trị của đời sống sau hôn nhân nói chung được hình thành và tồn tại trên cơ sở nào mà hàng trăm nghìn nữ thanh niên trước khi kết hôn với người nước ngoài trong thời gian qua phải bị "kiểm tra hàng", "kiểm tra sức khoẻ" với nhiều hành động dã man, khác lạ với nhân phẩm và bản tính con người nói chung và các giá trị văn hóa phương Đông nói riêng? Có bao nhiêu người sau khi kết hôn với người nước ngoài (qua mai mối) đã không đạt được kỳ vọng, mà ngược lại còn bị *chồng* ép lao động "khổ sai", bị vắt kiệt sức trong quan hệ tình dục? Và có bao nhiêu người bị *chồng* bắt làm "vợ" cho cả bạn bè (?)

- Bao nhiêu người đã kết hôn, đã sống với chồng mà không được pháp luật thừa nhận vì không có quốc tịch ở nước chồng? Bao nhiêu người phải vào nhà chứa để bán dâm vì bị chồng ly dị, đuổi khỏi nhà sau một vài năm chung sống? Bao nhiêu người đã lấy chồng mà quanh năm chỉ biết mỗi việc là chăm sóc sức khoẻ cho chồng bị bệnh nan y, chồng là người tuổi cao... đến khi chồng chết mà không biết vai trò làm vợ (hay làm mẹ) là gì?...

- Cuối cùng, sẽ có bao nhiêu đứa trẻ là con lai (Việt – Hàn, Việt - Đài,...) không được quyền công dân hoặc không được giáo dục đầy đủ ngay tại gia đình, nhất là về các giá trị văn hóa- xã hội của chúng ta?

Tài liệu tham khảo

1. Grant Evans (2001), *Bức khảm văn hóa châu Á-tiếp cận nhân học*, NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.

2. Phan An, Phan Quang Thịnh, Nguyễn Quới (2005), *Hiện tượng phụ nữ Việt Nam lấy chồng Đài Loan*, NXB Trẻ.

3. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia (1996), *Văn hóa trong phát triển và toàn cầu hóa*, Hà Nội.

4. Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn Quốc gia Việt Nam và Viện Bắc Âu nghiên cứu về châu Á tại Đan Mạch (2000), *Các giá trị châu Á và sự phát triển ở Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội.

5. Viện Khoa học Xã hội tại TP. Hồ Chí Minh (1982), *Một số vấn đề khoa học xã hội về đồng bằng sông Cửu Long*, NXB KHXH, Hà Nội.